

Số: **3144/QĐ-BTNMT**

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế"

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế";

Căn cứ Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế";

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, KHTC(md).

Handwritten initials



Trần Hồng Hà

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

**Thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện
Chỉ thị số 12-CT/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công
tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường
định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế"**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3144/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 12 năm 2017
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế";

Thực hiện Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế", Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 88/NQ-CP với những nội dung chủ yếu sau:

I. Mục tiêu:

Quán triệt mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu của Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2017 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế", Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng Chương trình hành động với mục tiêu tiếp tục phát huy tối đa nguồn lực tài nguyên và môi trường phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện chất lượng tăng trưởng, bảo đảm phát triển bền vững; bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự, khiếu nại, tố cáo, thanh tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường; cải cách hành chính, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; tăng cường công tác quan trắc tài nguyên và môi trường, chủ động công tác giám sát, dự báo và cảnh báo phục vụ phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; các hoạt động tạo được sự chuyển biến cơ bản trong công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, làm nền tảng vững chắc cho sự phát

triển của ngành tài nguyên và môi trường trong những năm tiếp theo. Thực hiện nhất quán chủ trương "không thu hút đầu tư bằng mọi giá, không đánh đổi môi trường vì lợi ích kinh tế".

II. Nhiệm vụ trọng tâm

Triển khai thực hiện Nghị quyết của Chính phủ, đẩy mạnh công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch về quản lý tài nguyên và môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; bổ sung hệ thống pháp luật về giải quyết tranh chấp dân sự, khiếu nại, tố cáo, thanh tra, xử lý vi phạm về bảo vệ môi trường; xây dựng và ban hành quy định về đăng ký kiểm kê và quan trắc tự động liên tục khí thải công nghiệp. Tăng cường quan trắc ô nhiễm môi trường biển, cảnh báo và có giải pháp ứng phó kịp thời.

Triển khai có hiệu quả Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2016.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm, nhất là tại khu vực nông thôn, các làng nghề, khu, cụm công nghiệp, lưu vực sông, cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm nặng.

Bảo đảm sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với xây dựng, củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh trong quá trình xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế đất liền, biển, đảo với bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia.

Nâng cao hiệu quả công tác nghiên cứu khoa học công nghệ phục vụ phát triển ngành tài nguyên và môi trường. Đẩy mạnh hợp tác liên vùng, hợp tác quốc tế trong công tác bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, bổ sung hệ thống quan trắc nhằm nâng cao chất lượng công tác dự báo khí tượng thủy văn, bão, lũ và các dạng thiên tai khác.

Hoàn thiện tổ chức bộ máy quản lý nhà nước đi đôi với việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có đủ trình độ đáp ứng được các yêu cầu về phát triển khoa học công nghệ trong các lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

III. Nhiệm vụ từng lĩnh vực quản lý chuyên ngành

3.1. Lĩnh vực đất đai

3.1.1. Mục tiêu

Nâng cao năng lực quản lý nhà nước về quản lý đất đai theo hướng hiện đại nhằm thực hiện có hiệu quả các nội dung quản lý nhà nước về đất đai và sử dụng đất đai tiết kiệm, hiệu quả, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội đảm

bảo an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội - chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

3.1.2. Nhiệm vụ

Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai: Tập trung hoàn thiện văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2013, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ cho công tác quản lý, sử dụng đất. Phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật về đất đai cho đội ngũ cán bộ, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Điều tra cơ bản và đánh giá tài nguyên đất phục vụ quản lý, sử dụng đất bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu. Triển khai việc lập, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất các cấp đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ cuối 2016 - 2020. Từng bước thực hiện việc xác định ranh giới, cắm mốc ngoài thực địa các khu vực đất cần bảo vệ như đất chuyên trồng lúa nước, đất có rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, các khu bảo tồn đa dạng sinh học, các khu di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật đất đai, ngăn chặn tình trạng đất đã được giao, được thuê nhưng không đưa vào sử dụng, để hoang hóa gây lãng phí, sử dụng kém hiệu quả, đầu cơ trong sử dụng đất đai; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về sử dụng đất; tổ chức di dời các cơ sở gây ô nhiễm và các vi phạm quy hoạch xây dựng đô thị. Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh. Hoàn thiện cơ chế và đổi mới chính sách kinh tế, tài chính về đất đai; đẩy mạnh việc giao đất, cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất để tăng nguồn thu ngân sách; xây dựng bản đồ giá đất, giá đất các vùng giáp ranh, giá đất cụ thể tại các địa phương.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp dân sự, khiếu nại tố cáo và xử lý các vi phạm về quản lý tài nguyên đất đai.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính có liên quan đến đất đai, từng bước hiện đại hóa cung cấp dịch vụ công về đất đai theo hướng Chính phủ điện tử. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, công nghệ: Xây dựng hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin đất đai hiện đại và đồng bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của lĩnh vực quản lý đất đai. Xây dựng phòng thí nghiệm, phân tích đất hiện đại nhằm phục vụ cho việc đánh giá chất lượng đất, tiềm năng đất, đánh giá thoái hóa đất, ô nhiễm đất; phân hạng đất nông nghiệp; quan trắc, giám sát tài nguyên đất.

3.2. Lĩnh vực tài nguyên nước

3.2.1. Mục tiêu

Đẩy mạnh hợp tác, chia sẻ nguồn nước xuyên biên giới; công tác quy hoạch, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước phục vụ phát triển kinh tế -

xã hội bền vững, bảo đảm an ninh nguồn nước trong điều kiện nguồn nước ngày càng khan hiếm, nhu cầu sử dụng nước và sự suy giảm chất lượng nước ngày càng gia tăng, thích ứng với các tác động của biến đổi khí hậu gây ra cho tài nguyên nước.

3.2.2. *Nhiệm vụ*

Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật về tài nguyên nước: Hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá và thông tư hướng dẫn việc quản lý tài nguyên nước. Triển khai thực hiện chính sách tài chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, gồm việc thu, quản lý, sử dụng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; chính sách ưu đãi các hoạt động đầu tư cung cấp nước sinh hoạt, thu gom, xử lý nước thải và các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, cải thiện và nâng cao chất lượng nước; chính sách thu hút, huy động các nguồn lực tài chính từ mọi thành phần trong xã hội; chính sách bảo đảm hài hòa giữa trách nhiệm với lợi ích giữa khai thác với bảo vệ tài nguyên nước và chính sách xã hội hóa các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước. Lập và tổ chức triển khai quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước; kiểm kê tài nguyên nước; đánh giá, cảnh báo, dự báo tác động của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước. Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tài nguyên nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Xây dựng quy hoạch tài nguyên nước trên phạm vi cả nước, quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông liên tỉnh, nguồn nước liên tỉnh, quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước.

Tuyên truyền, phổ biến pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng về tài nguyên nước: tập trung tuyên truyền phổ biến các chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về tài nguyên nước và các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; xây dựng và thực hiện Đề án Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức cộng đồng trong khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước.

Tăng cường thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực tài nguyên nước: Tổ chức triển khai thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước, công tác quản lý tài nguyên nước; việc chấp hành các quy định của pháp luật về tài nguyên nước tại một số cơ sở khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước, tình hình thực hiện quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông; theo dõi biến động nguồn nước, các hoạt động khai thác sử dụng nước ở ngoài biên giới phía thượng nguồn lưu vực sông Hồng, sông Mê Kông.

Tăng cường điều tra cơ bản tài nguyên nước: Điều tra, đánh giá lập bản đồ tài nguyên nước tỷ lệ 1/100.000 cho 50% diện tích toàn quốc, tỷ lệ 1/50.000 cho

các vùng khan hiếm nước, thiếu nước và tỷ lệ 1/25.000 cho một số vùng trọng điểm. Điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên phạm vi toàn quốc; xây dựng và vận hành được hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia đảm bảo việc chia sẻ dữ liệu giữa cơ quan quản lý và đơn vị quản lý vận hành. Ban hành mức thu đối với việc khai thác sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên nước, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; xây dựng và vận hành hệ thống mạng quan trắc nguồn nước xuyên biên giới.

Bảo vệ tài nguyên nước, khắc phục, hạn chế ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước: Thống kê, phân loại nguồn nước, công bố danh mục các nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng và danh mục các cơ sở khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước gây ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nghiêm trọng nguồn nước. Triển khai thực hiện quy định về vùng bảo hộ vệ sinh, vùng cấm, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất; xây dựng kế hoạch phục hồi nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia; cải tạo, phục hồi một số dòng sông, đoạn sông bị ô nhiễm, cạn kiệt nghiêm trọng. Khai thác, sử dụng tài nguyên nước tiết kiệm, hiệu quả, bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu: rà soát, hoàn chỉnh quy trình vận hành liên hồ chứa trên các lưu vực sông xác định, công bố dòng chảy tối thiểu của 70% dòng chính các lưu vực sông lớn; điều tra, thống kê hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên các lưu vực sông liên tỉnh.

3.3. Lĩnh vực địa chất và khoáng sản

3.3.1 Mục tiêu

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về địa chất- khoáng sản; quản lý có hiệu quả tài nguyên khoáng sản, giảm thiểu tác động của các hoạt động khoáng sản đối với môi trường; tập trung thực hiện Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

3.3.2 Nhiệm vụ

Xây dựng, hoàn thiện thể chế chính sách, pháp luật: Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách, kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đảm bảo hoạt động hiệu quả quản lý nhà nước về khoáng sản.

Công tác điều tra cơ bản: tập trung lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1/50.000; điều tra, đánh giá các nguy cơ tai biến địa chất phần đất liền; ưu tiên điều tra địa chất, khoáng sản biển, hải đảo và ở các khu vực biên giới, khu vực tập trung khoáng sản; tăng cường thực hiện công tác điều tra, phát hiện khoáng sản cùng với việc lập bản đồ địa chất khu vực, địa chất tai biến, địa chất môi trường, bản đồ chuyên đề và nghiên cứu chuyên đề về địa chất, khoáng sản

tỉ lệ 1/50.000 đối với đất liền và tỉ lệ 1/500.000 ở các vùng biển Việt Nam nhằm làm rõ cấu trúc, lịch sử phát sinh phát triển của vỏ trái đất phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh. Nâng cao trình độ khoa học và công nghệ, năng lực thiết bị, tăng nguồn vốn đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản phù hợp với Chiến lược khoáng sản và Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết số 02 - NQ/TW ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Bộ Chính trị. Đánh giá tiềm năng tài nguyên từng loại, nhóm khoáng sản quan trọng, đặc biệt là trong các cấu trúc địa chất, có triển vọng khoáng sản đến độ sâu 500m và một số vùng đến 1000m làm rõ tiềm năng từng loại khoáng sản phục vụ nhu cầu thăm dò, khai thác chế biến sử dụng và dự trữ khoáng sản quốc gia hợp lý; lập kế hoạch, thực hiện hợp tác thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản ở nước ngoài phục vụ cho nhu cầu trong nước; điều tra, lập quy hoạch bảo tồn công viên Địa chất Toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong hoạt động khoáng sản, có biện pháp hiệu quả hạn chế và đi đến chấm dứt tình trạng khai thác khoáng sản trái phép, kiên quyết xử lý việc cấp phép hoạt động khoáng sản không đúng quy định của pháp luật.

3.4. Lĩnh vực môi trường

3.4.1. Mục tiêu

Kiểm soát, hạn chế về cơ bản mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, giảm nhẹ mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy giảm đa dạng sinh học; tiếp tục cải thiện chất lượng môi trường sống hướng tới mục tiêu phát triển bền vững đất nước. Thực hiện nhất quán chủ trương "không thu hút đầu tư bằng mọi giá, không đánh đổi môi trường vì lợi ích kinh tế".

3.4.2. Nhiệm vụ

Cơ bản hoàn thiện quy định pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường: Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Bảo vệ môi trường; tiếp tục tăng cường xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Đa dạng sinh học. Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và định mức kinh tế - kỹ thuật về môi trường. Phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 31/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về bảo vệ môi trường.

Tăng cường công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm việc thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; kiên quyết xử lý các dự án

không thực hiện đúng cam kết, không hiệu quả, tiêu tốn nhiều năng lượng, khoáng sản, lãng phí tài nguyên, sử dụng công nghệ lạc hậu có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện nhất quán chủ trương "không thu hút đầu tư bằng mọi giá, không đánh đổi môi trường vì lợi ích kinh tế".

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra các đối tượng phát sinh chất thải lớn trên phạm vi cả nước; rà soát đánh giá tác động môi trường, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của các dự án lớn, có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường. Kiểm soát, xử lý, giảm thiểu phát sinh các nguồn gây ô nhiễm: Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020 theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013, triển khai, thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2013; tiếp tục triển khai Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 2149/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Phòng ngừa, ngăn chặn việc phát sinh các nguồn gây ô nhiễm môi trường, khu vực ô nhiễm môi trường: Phát triển các ngành kinh tế xanh, thân thiện môi trường, tổ chức thực hiện nghiêm công tác hậu kiểm, không phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư tiêu tốn nhiều năng lượng, lãng phí tài nguyên, sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường. Tổ chức thực hiện công tác kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi nilon khó phân hủy trong sinh hoạt theo Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 11 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Tổ chức thực hiện việc thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ theo Quyết định số 516/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Cải tạo, phục hồi các khu vực đã bị ô nhiễm: Xây dựng và tổ chức thực hiện Đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Mê Công. Đẩy mạnh việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường các lưu vực sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy, lưu vực hệ thống sông Đồng Nai và phục hồi ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu trên phạm vi cả nước theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg ngày 21 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật về môi trường: xây dựng và triển khai hệ thống trạm quan trắc môi trường tự động, môi trường không khí tại các đô thị lớn, nước mặt tại các lưu vực sông chính; xây dựng trung tâm xử lý chất thải nguy hại tại các vùng kinh tế trọng điểm, trước mắt ưu tiên triển khai tại khu vực kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

Bảo tồn đa dạng sinh học: Tập trung thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1250/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 2013. Triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học của cả nước đến năm 2020 và định hướng đến 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2014. Triển khai thực hiện Quyết định số 1869/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án ngăn ngừa và kiểm soát loài ngoại lai xâm hại đến năm 2020, trong đó tăng cường năng lực cho các cơ quan chuyên môn về đa dạng sinh học, kiểm dịch, đặc biệt ở cấp tỉnh.

Huy động nguồn lực cho bảo vệ môi trường: hoàn thiện cơ chế, chính sách, mô hình xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, huy động nguồn lực từ các thành phần kinh tế cho bảo vệ môi trường. Xây dựng và triển khai Đề án về cơ chế đột phá huy động nguồn lực, thu hút đầu tư, xã hội hóa bảo vệ môi trường, thực hiện đúng nguyên tắc “người được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho bảo vệ môi trường; người gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại”. Xây dựng và thực hiện tốt chủ trương các nguồn thu từ thuế, phí bảo vệ môi trường phải được đầu tư trở lại cho các hoạt động bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm, cải tạo và phục hồi môi trường.

Tuyên truyền, nâng cao ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường: Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng theo hướng đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền. Tổ chức các ngày lễ kỷ niệm về bảo vệ môi trường như ngày môi trường thế giới, ngày quốc tế đa dạng sinh học, ngày quốc tế đất ngập nước...

3.5. Lĩnh vực khí tượng thủy văn

3.5.1. Mục tiêu

Thực hiện đồng bộ các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch về khí tượng thủy văn. Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết, thủy văn trên phạm vi cả nước, phát triển hệ thống cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn; thu hút nguồn lực ngoài nước để hiện đại hóa ngành khí tượng thủy văn.

3.5.2. Nhiệm vụ

Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật: Rà soát hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Khí tượng thủy văn và các nội dung liên quan đến khí tượng thủy văn trong Luật phòng, chống thiên tai, xây dựng mạng lưới trạm khí tượng thủy văn, thực hiện các đề án về xây dựng cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn quốc gia; điều tra, khảo sát khí tượng thủy văn; quản lý phục vụ, dịch vụ khí tượng thủy văn; hoàn thiện hệ thống kiểm định, hiệu chuẩn phương

tiện đo khí tượng thủy văn của Việt Nam và tăng cường năng lực cho chính quyền địa phương trong quản lý hoạt động khí tượng thủy văn trên địa bàn.

Tăng cường tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật: Tiếp tục tổ chức quán triệt, phổ biến các nội dung pháp luật về khí tượng thủy văn; tập huấn chuyên sâu trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về khí tượng thủy văn cho các cấp quản lý và cộng đồng dân cư, nhất là tại các khu vực dễ bị tổn thương bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan. Song song với công tác truyền thông trong nước là công tác truyền thông đối ngoại nhằm nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế nhằm hiện đại hóa lĩnh vực khí tượng thủy văn.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra: Tổ chức kiểm tra, thanh tra hoạt động khí tượng thủy văn tại các Bộ, ngành, địa phương; coi đây là nhiệm vụ thường xuyên nhằm giám sát, hướng dẫn việc thực hiện chính sách, pháp luật, tháo gỡ các vướng mắc, kịp thời phát hiện những bất cập để điều chỉnh, sửa đổi.

3.6. Lĩnh vực biến đổi khí hậu

3.6.1. Mục tiêu

Quản lý phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính; quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon ra thị trường thế giới; các hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển nền kinh tế các-bon thấp bảo đảm an ninh và phát triển bền vững quốc gia; thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng Ô-dôn.

3.6.2. Nhiệm vụ

Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật: Hoàn thiện cơ chế, chính sách, giải pháp đồng bộ chủ động ứng phó và thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai. Tập trung xây dựng mạng lưới trạm giám sát biến đổi khí hậu quốc gia, thực hiện các đề án về xây dựng cơ sở dữ liệu biến đổi khí hậu quốc gia; giám sát biến đổi khí hậu, giám sát và kiểm kê việc phát thải khí nhà kính vào môi trường; quản lý các hoạt động kinh doanh tín chỉ các-bon tại Việt Nam; về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn tập trung vào việc xây dựng các chính sách pháp luật về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo các quy định của quốc tế và các cam kết của Việt Nam, làm cơ sở để xây dựng Luật Biến đổi khí hậu dự kiến sẽ trình Quốc hội thông qua vào sau năm 2020.

Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016 - 2020, thỏa thuận PaRis về biến đổi khí hậu nhằm phát huy những kết quả đã đạt được và tạo cơ sở cho việc huy động các nguồn lực quốc tế cho ứng phó với biến đổi khí hậu nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung.

Tăng cường tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật về biến đổi khí hậu. Song song với công tác truyền thông trong nước là công tác truyền thông đối ngoại nhằm nâng cao hình ảnh và vị thế của Việt Nam, tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế nhằm hiện đại hóa công tác phòng chống thiên tai và ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu.

3.7. Lĩnh vực đo đạc và bản đồ

3.7.1. Mục tiêu

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đo đạc và bản đồ đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, phát triển ngành đo đạc và bản đồ trở thành một ngành điều tra cơ bản có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến của khu vực, tiếp cận với trình độ tiên tiến trên thế giới.

3.7.2. Nhiệm vụ

Xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách pháp luật: Hoàn thiện các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đo đạc và Bản đồ sau khi có hiệu lực. Tiến hành rà soát, điều chỉnh, bổ sung Chiến lược phát triển ngành đo đạc và bản đồ đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 33/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 02 năm 2008; xây dựng Chiến lược phát triển ngành đo đạc và bản đồ đến năm 2030 theo hướng phù hợp với thực tiễn nước ta. Hoàn thiện, bổ sung các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật và hệ thống các định mức kinh tế - kỹ thuật về đo đạc bản đồ. Tiếp tục xây dựng các quy định pháp luật, xây dựng cơ chế, chính sách phục vụ công tác quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ, cập nhật, chia sẻ, khai thác và sử dụng có hiệu quả hạ tầng dữ liệu không gian quốc gia (NSDI) phục vụ Chính phủ điện tử.

Công tác điều tra cơ bản, xây dựng cơ sở dữ liệu về đo đạc và bản đồ: Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chiến lược phát triển ngành đo đạc và bản đồ đến năm 2020 nhằm hoàn thiện và hiện đại hóa hạ tầng thông tin đo đạc bản đồ của nước ta, bao gồm: Xây dựng, hoàn thiện và hiện đại hóa hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống mạng lưới tọa độ, độ cao, độ sâu, trọng lực quốc gia được kết nối theo trạng thái động với Hệ quy chiếu quốc tế. Ứng dụng công nghệ và xây dựng giải pháp nâng cao độ chính xác trong đo đạc, thu thập và xử lý dữ liệu, thành lập cơ sở dữ liệu địa lý và bản đồ phù hợp với công nghệ tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới. Từng bước xây dựng các quy định về hệ thống kiểm định máy móc, thiết bị, dụng cụ đo đạc và bản đồ, quản lý, vận hành, cung cấp và sử dụng tín hiệu định vị vệ tinh từ các trạm CORS và xây dựng các sản phẩm đo đạc và bản đồ mới, phù hợp với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu của xã hội.

Triển khai cập nhật cơ sở dữ liệu nền thông tin địa hình ở tỷ lệ 1/2.000, 1/5.000, 1/10.000 các khu vực trong cả nước sau 8 năm thực hiện nhằm đảm bảo

đáp ứng kịp thời các yêu cầu về phát triển kinh tế, đảm bảo quốc phòng, an ninh. Bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý của Việt Nam ở các tỷ lệ 1/50.000, 1/200.000, 1/500.000 và 1/1.000.000 để đáp ứng các nhu cầu về quản lý lãnh thổ, biên giới quốc gia trên đất liền và trên biển, địa giới hành chính các cấp, biển hải đảo và các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai và bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh công tác biên giới và địa giới: Tiếp tục triển khai Dự án “Hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính”, kịp thời bàn giao dữ liệu cho các Bộ, ngành và địa phương liên quan phục vụ xây dựng bộ bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính hiện đại; Xây dựng bộ bản đồ chuẩn đường biên giới quốc gia Việt Nam - Lào; Xây dựng cơ sở dữ liệu đo đạc và bản đồ biên giới quốc gia Việt Nam - Lào.

Đẩy mạnh xã hội hóa các dịch vụ đo đạc và bản đồ, tạo sự bình đẳng cho các doanh nghiệp nhà nước và tư nhân trong hoạt động đo đạc bản đồ. Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý, yêu cầu phát triển của ngành.

3.8. Lĩnh vực biển và hải đảo

3.8.1. Mục tiêu

Tăng cường năng lực và nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo. Đáp ứng một bước hạ tầng thông tin kỹ thuật cơ bản về tài nguyên và môi trường biển, góp phần cung cấp thông tin kịp thời, đủ độ tin cậy phục vụ dự báo thiên tai, biến đổi khí hậu phục vụ phát triển kinh tế biển, phát triển kinh tế - xã hội vùng ven biển và trên các đảo. Giảm nhẹ mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên và kiểm chế tốc độ gia tăng ô nhiễm môi trường vùng ven biển, vùng biển ven bờ và trên các đảo. Nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, duy trì chức năng sinh thái và năng suất sinh học của các hệ sinh thái biển nhằm bảo vệ đa dạng sinh học biển và các nguồn lợi từ biển. Cung cấp đầy đủ thông tin cơ bản về tài nguyên và môi trường biển phục vụ phát triển kinh tế biển bền vững và bảo đảm an ninh quốc phòng.

3.8.2. Nhiệm vụ

Tăng cường xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và các văn bản có liên quan. Tổ chức thực hiện “Chiến lược khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên và bảo vệ môi trường biển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” ban hành kèm theo Quyết định số 1570/QĐ-TTg ngày 06 tháng 09 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ; “Chiến lược quản lý tổng hợp đới bờ Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030” ban hành kèm theo Quyết định số 2295/QĐ-TTg ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 25/CT-TTg về tăng

cường công tác điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo ngày 01 tháng 10 năm 2015. Xây dựng Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

Công tác điều tra cơ bản: Tổ chức điều tra chi tiết về tài nguyên và môi trường khu vực biển ven bờ; tiến hành các hoạt động điều tra tổng hợp về tài nguyên và môi trường vùng biển sâu và vùng biển quốc tế liên kề nhằm cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu về tài nguyên, môi trường biển, đặc biệt là tiềm năng các nguồn tài nguyên mới như: băng cháy, kết hạch sắt - mangan,...; hoàn thiện việc đo vẽ lập bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1/50.000 vùng biển Việt Nam, tiến tới thực hiện việc đo vẽ lập bản đồ địa hình đáy biển và phần nổi tỷ lệ lớn cho các đảo, cụm đảo, các khu vực nhạy cảm. Điều tra, đánh giá diễn biến của các hiện tượng el-nino, la-nina, làm rõ khả năng xảy ra các tai biến tự nhiên, động đất, đặc điểm nền móng đáy biển phục vụ cho quy hoạch phát triển kinh tế biển, quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên môi trường biển, hải đảo, phát triển, xây dựng hệ thống công trình biển và công trình phục vụ an ninh, quốc phòng theo hướng kết nối với đất liền và mở ra biển, liên kết vùng, miền, các lợi thế với nhau; mở hướng phát triển mạnh ra khu vực, đại dương và toàn cầu.

Công tác quan trắc biển và hải đảo: Từng bước xây dựng, bổ sung các trạm quan trắc tổng hợp tài nguyên môi trường biển, trạm radar biển, trạm phao biển vùng biển ven bờ, các đảo ngoài khơi, các thiết bị quan trắc trên biển để đảm bảo cung cấp đủ số liệu, thông tin phục vụ công tác dự báo thời tiết, khí tượng, hải văn, cảnh báo thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu trên biển. Quan trắc, đánh giá phạm vi, mức độ tác động của các nguồn gây ô nhiễm biển từ đất liền, đặc biệt là từ các lưu vực sông, từ các vùng canh tác nông nghiệp ven biển sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa chất.

Quản lý tài nguyên, môi trường biển: Thiết lập cơ chế đồng quản lý, quyền khai thác và hưởng lợi từ mặt nước biển ven bờ, ven các đảo dựa trên các tiếp cận thị trường có sự định hướng và điều tiết của Nhà nước trên nguyên tắc không gian, mặt nước, tài nguyên biển thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý.

Kiểm soát các nguồn thải trực tiếp gây ô nhiễm, suy thoái môi trường vùng biển ven bờ, đặc biệt là các khu đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, cơ sở nuôi trồng, chế biến thủy sản, hoạt động thương mại, dịch vụ... dọc theo bờ biển, trên các đảo, cụm đảo; bảo đảm nước thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra biển. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ các yêu cầu về điều kiện, năng lực phòng ngừa, ứng phó sự cố của tàu, thuyền vận chuyển dầu, hóa chất hoạt động trên biển hoặc đi qua các vùng biển nước ta cũng như các kho chứa xăng dầu, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật vùng ven biển, trên các đảo.

Xây dựng kịch bản diễn biến tác động của biến đổi khí hậu đến các vùng

biển ven bờ, vùng bờ ven biển để có hướng tiếp cận và đưa ra các giải pháp phù hợp thích ứng với biến đổi khí hậu.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực: Điều tra địa chất, khoáng sản biển sâu; khai thác năng lượng (năng lượng thủy triều, năng lượng sóng, năng lượng gió, năng lượng mặt trời, sản xuất điện từ nước biển); dự báo thiên tai, kiểm soát ô nhiễm môi trường biển; điều tra, khảo sát khoa học trên thềm lục địa và khu vực hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam. Mở rộng hợp tác trong lĩnh vực tìm kiếm cứu nạn, ứng phó sự cố tràn dầu với các nước trong khu vực Biển Đông, quản lý tổng hợp vùng bờ, phát triển bền vững tài nguyên biển và tăng cường năng lực quản lý, xây dựng các chính sách về quản lý môi trường biển và hải đảo.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra: Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc giao khu vực biển, thiết lập và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển, chương trình quản lý tổng hợp tài nguyên vùng bờ; lập và quản lý hồ sơ tài nguyên hải đảo tại các địa phương ven biển. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển Việt Nam, Quy hoạch tổng thể khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên vùng bờ tại các Bộ, ngành và các địa phương ven biển.

3.9. Lĩnh vực viễn thám

3.9.1. Mục tiêu

Xây dựng lĩnh vực viễn thám phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ quản lý tài nguyên, giám sát môi trường, thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

3.9.2. Nhiệm vụ

Tăng cường công tác xây dựng, hoàn thiện về cơ bản hệ thống văn bản quy phạm pháp luật lĩnh vực viễn thám, đảm bảo quản lý hiệu quả hoạt động viễn thám trên phạm vi cả nước. Ưu tiên xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị định về hoạt động viễn thám, xây dựng trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược và quy hoạch phát triển viễn thám. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích ứng dụng, phát triển viễn thám trong quản lý tài nguyên, giám sát môi trường, thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội.

Tổ chức giám sát diễn biến xấu về tài nguyên và môi trường, giám sát tài nguyên môi trường biển, giám sát hoạt động khai thác và sử dụng tài nguyên nước ngoài biên giới và giám sát tình hình thực hiện quy hoạch sử dụng đất bằng công nghệ viễn thám.

Đưa công nghệ viễn thám thành một trong các công cụ chủ đạo trong công tác quản lý tài nguyên, giám sát môi trường, thiên tai, ứng phó với biến đổi khí

hậu; bảo đảm an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế - xã hội, ứng dụng rộng rãi từ Trung ương đến địa phương.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc chia sẻ tài nguyên về vệ tinh, trao đổi dữ liệu viễn thám, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ viễn thám trong giám sát tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đặc biệt là ứng dụng công nghệ viễn thám giám sát thiên tai. Thu hẹp khoảng cách về trình độ, công nghệ viễn thám so với các nước trong khu vực và trên thế giới thông qua nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế về viễn thám.

(Danh mục Chương trình, Kế hoạch, Đề án, Dự án, nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết 88/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế" tại phụ lục kèm theo)

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ căn cứ Nghị quyết 88/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế" và Chương trình hành động của Bộ để tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng về việc triển khai thực hiện Nghị quyết và Chương trình hành động trong phạm vi lĩnh vực và chức năng, nhiệm vụ được giao cho từng đơn vị.

- Chủ động, tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó tập trung nguồn lực xây dựng, trình ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các đề án Chính phủ trong kế hoạch.

2. Vụ Kế hoạch - Tài chính chịu trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ và Chương trình hành động của Bộ; báo cáo Bộ trưởng và các cơ quan chức năng./.

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN, NHIỆM VỤ

(Ban hành kèm theo Chương trình hành động của Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện Nghị quyết số 88/NQ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm an ninh kinh tế trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế")

TT	Kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Sản phẩm, kết quả chủ yếu	Đơn vị chủ trì/ Đơn vị phối hợp	Thời gian trình phê duyệt	Cấp trình	Ghi chú
1	Kế hoạch, chương trình, đề án, dự án chung					
1.1	Chiến lược phát triển ngành tài nguyên và môi trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Chiến lược	Viện Chiến lược chính sách Tài nguyên và môi trường	2019	Thủ tướng Chính phủ	
1.2	Xây dựng hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường	Đề án	Cục Công nghệ thông tin và Dữ liệu tài nguyên môi trường	2017	Thủ tướng Chính phủ	Quyết định số 1618/QĐ-TTg ngày 24/10/2017
2	Lĩnh vực đất đai					
	Tăng cường quản lý đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện có do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình cá	Đề án	Tổng cục Quản lý đất đai	2017	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Công văn số 7171/VPCP-NN ngày 10/7/2017 giao Bộ TN&MT phối hợp với Bộ Tài chính hoàn thiện Đề

TT	Kế hoạch, chương trình, đề án, dự án	Sản phẩm, kết quả chủ yếu	Đơn vị chủ trì/ Đơn vị phối hợp	Thời gian trình phê duyệt	Cấp trình	Ghi chú
	nhân sử dụng					án trước khi phê duyệt theo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng
3	Lĩnh vực môi trường					
	Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040	Chiến lược	Tổng cục Môi trường	2020	Thủ tướng Chính phủ	
4	Lĩnh vực tài nguyên nước					
	Hợp tác quốc tế trong quản lý, khai thác tài nguyên nước xuyên biên giới	Đề án		2018	Chính phủ	
5	Lĩnh vực viễn thám					
	Chiến lược phát triển viễn thám quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040.	Chiến lược	Cục Viễn thám quốc gia	2019	Thủ tướng Chính phủ	